PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

*Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android,** công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 04-05/2022

(25/01/2022 – 07/01/2022)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, cước thuê vẫn giảm và thị trường chưa hồi phục trở lại. Song điều tích cực là chỉ số BDI đã ngừng lao dốc, đồ thị chuyển hướng đi ngang và giảm ít hơn so với thời điểm hai tuần trước, hiện ghi nhận mức 1.422 điểm (08/02/2022). Dẫu vậy, thị trường hai tuần qua vẫn nhộp nhịp với nhiều giao dịch mua bán tàu trải đều các phân khúc. Tuần qua trong phân khúc Supramax, tàu ***Universe 1*** (53.074 dwt, đóng 2003 Nhật) bán với giá khoảng 10 triệu đô la Mỹ. Nếu so sánh với tàu ***Xiang Hua*** (53.350 dwt, đóng 2003 Nhật) bán tháng 12/2021 giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ, thì hiện tại giá tàu ***Universe 1*** đã giảm khoảng 1 triệu đô la Mỹ, tương ứng mức giảm khoảng 10%. Vì thị trường thay đổi, nên giá bán tàu ***Universe 1*** thiết lập mốc tham khảo mới cho tàu Supramax già trong tháng 2 này. Trong phân khúc Handysize, ghi nhận tàu ***Royal Innovation*** (28.374 dwt, đóng 2011 Nhật, hạn đà DD 11/2023, SS 11/2025) bán với giá khoảng 13,8 triệu đô la Mỹ, Nếu so sánh với tàu già hơn 2 tuổi ***Targa*** (28.419 dwt, đóng 2009 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, hạn đà DD 03/2022, SS 06/2024) bán khoảng 14,2 triệu đô la Mỹ vào tháng 12/2021 thì giá cũng đã giảm khoảng trên dưới 10%. Giá bán tàu ***Royal Innovation*** cũng thiết lập mặt bằng giá mới cho cỡ tàu Handy trẻ ~28.000 dwt. Tuy nhiên, hiện nay cước thuê tàu đã giảm hơn 50% so với lúc cao điểm tháng 11-12/2021 nên giá tàu bán giảm 10% chưa tương xứng với mức giảm của cước thuê.

Ở mảng tàu dầu, giá dầu thế giới vẫn đang tăng và dự báo giá dầu trong nước sẽ tăng mạnh theo giá thế giới. Giá tàu MR hiện đang khá ổn định. Tuần qua, Spring Marine mua tàu ***Prime Express*** (45.996 dwt, đóng 2010 Nhật, DD 11/2023, SS 11/2025) với giá khoảng 16,2 triệu đô la Mỹ. Tháng 11/2021, Spring Marine cũng mua tàu tương tự ***Angle 62*** (47.410 dwt, đóng 2009 Nhật, DD 07/2022,SS 07/2024) bán với giá khoảng 13 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc tàu nhỏ, tàu J19 ***Celsius Manila*** (19.997 dwt, đóng 2002 Nhật, hạn đà DD/SS 03/2022, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) bán với giá khoảng 7,9 triệu đô la Mỹ. Có tin tàu chị em trẻ hơn 3 tuổi ***Celsius Monaco*** (19.999 dwt, đóng 2005 Nhật, DD 10/2023, SS 11/2025) bán với giá khoảng 7,75 triệu đô la Mỹ, song tin này không đúng vì tàu vẫn chưa bán. Hiện tại, thị trường tàu dầu sau Tết Nguyên Đán có nhiều dấu hiệu triển vọng, song trước các biến động về giá dầu thì cần tiếp tục theo dõi thị trường thêm.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong **tuần 05/2022(01-07/02/2022):**

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
			BULKERS			
Baosteel Evolution	2007	Japan	206,331	19.00	Greek, Dryships	DD/SS due 07/2022
Sicilian Express	2013	China	93,076	19.95	Undisclosed	
Elva	2001	Japan	73,910	11.00	Undisclosed	BWTS fitted
Bellight	2016	China	63,073	Undisclosed	Japanese	Sale and leaseback
Belforest	2015	Japan	61,252			
Kouju Lily	2011	Japan	58,872	24.50	Greek	5 years BBHP, dely Q3/2022, BWTS fitted, DD 11/2022, SS 11/2024
G Taishan	2008	Tsuneishi Zhoushan, China	58,780	17.40	Undisclosed	Incl TC until Apr 2022 at around US$ 17,1k/pd to Norden, DD/SS 01/2023
Doric	2013	Korea	58,514	21.00	Undisclosed	DD/SS 07/2023
Ionic	2013	Korea	58,468	21.00		DD/SS 09/2023
Magda	2010	China	58,018	16.70	Greek, Costamare	DD 07/2023, SS 07/2025
Universe 1	2003	Japan	53,074	10.00	Undisclosed	DD due 04/2022, SS 11/2023
Cielo Di Virgin Gorda	2015	China	39,202	22.75	German, Oldendorff Carriers	OHBS, B-delta design (relatively wide beam, shallow draft, low fuel consumption & high deadweight), BWTS fitted, DD 12/2022, SS 02/2025, Irish owner
Daido Ambition	2021	Japan	37,982	33.00	Greek	BBHP, BWTS fitted, DD 05/2024, SS 05/2026
Ultra Tolhuaca	2015	Japan	37,429	24.50	DAO Shipping	BWTS fitted, DD 08/2023, SS 07/2025
Supernova	2012	Japan	36,367	19.00	Undisclosed	DD/SS due 06/2022
Marine Princess	2012	China	35,501	16.40	Indian, GMS	Auction sale, laid up status, DD/SS 11/2022, Turkish owner
Doreen	2004	China	35,015	22.00	Singaporean	Open hatch con/bulker (1878 teu), BWTS fitted, M/E Sulzer, DD/SS passed 01/2022, next DD 01/2025, SS 01/2027, HK-based owner
Super Valentina	2013	Japan	33,382	18.00	Undisclosed	Open hatch, DD/SS 02/2023
Woori Star	1999	Japan	28,678	7.00	Chinese	Open hatch, DD due 05/2022, SS 05/2024
Royal Innovation	2011	Japan	28,374	13.80	Greek	BWTS fitted, DD 11/2023, SS 11/2025

Skawa	2012	China	17,073	10.00	Undisclosed	Single decker, ice class, CR 3X30T, DD/SS due 06/2022, Polish owner
			TANKERS			
Athenian Success	2010	Korea	298,996	42.50	Korean, Sinokor	
Crudesun	2018	Korea	115,643	47.60	Undisclosed	BWTS fitted
Glifa	2005	China	109,229	14.50	Indonesian, Soechi	Dely 03/2022, BWTS fitted, SS 08/2025
Gundala	2003	Japan	107,127	11.70	Chinese	DD passed, SS 01/2023
Red Eagle	2011	Korea	74,997	19.50	International Seaways	
Polar Cod	2007	Japan	73,919	11.70	Greek	
Hyundai Mipo 2859	2022	Korea	50,000	38.25	Danish	
Hyundai Vietnam S501	20221	Hyundai-Vinashin, Vietnam	50,000	36.80	Undisclosed	Chemical IMO II/III, dely 11/2022 & 12/2022 resp,
Hyundai Vietnam S502	2022	Hyundai-Vinashin, Vietnam	50,000	36.80		
Aquila L	2018	Korea	49,999	34.00	Undisclosed	BWTS fitted
Arctos	2018	Korea	49,999	34.00		BWTS fitted
STI Duchessa	2014	Korea	49,990	423.50	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS 01/2024
STI Majestic	2019	Hyundai-Vinashin, Vietnam	47,499	34.90	Undisclosed	Scrubber fitted, chemical IMO II/III, DD/SS 01/2024
Prime Express	2010	Japan	45,996	16.20	Greek, Spring Marine	DD 11/2023, SS 11/2025
Team Osprey	2009	Korea	25,432	27.00	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD due 04/2022, SS 04/2024
Team Falcon	2009	Korea	25,419			Chemical IMO II, epoxy coated, DD due 02/2022, SS 01/2024
Team Hawk	2008	Korea	25,385			Chemical IMO II, epoxy coate d, DD/SS 06/2023
Celsius Manila	2002	Japan	19,997	7.90	Korean	BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS due 03/2022
Ocean Moray	2018	China	11,999	10.00	Singaporean, Hong Lam Marine	Old sale, delivered in 01/2022, BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, M/E Wartsila, DD/SS 01/2023, Singaporean owner
Eastern Liberty	2002	Japan	8,857	3.60	Indonesian	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS due 06/2022
Newocean 6	2014	China	4,679	5.30	Undisclosed	Bunkering tanker, M/E Cummins, DD due 09/2022, SS 09/2024, Singapore owner

CONTAINER						
Ionikos	2009	HHIC-Philippines	52,427	96.00	Undisclosed	4360 teu, dely 06/2022
Baltic South	2010	Korea	52,184	160.00	MSC	4432 teu, M/E Wartsila, DD 08/2023, SS 08/2025
Singapore Bridge	2002	Korea	50,953			4253 teu, DD/SS 12/2022
Cape Marin	2012	China	41,462	52.50	A.P. Moller	2758 teu, M/E Wartsila, CR 3X45T, DD/SS due 06/2022
Cape Martin	2007	Germany	37,866	52.50		2742 teu, gearless, DD/SS due 04/2022
Kanway Galaxy	1997	Japan	24,386	19.00	Undisclosed	1613 teu, DD/SS 10/2022
Cape Nabil	2010	China	23,550	31.00	A.P. Moller	1740 teu, bss charterfree dely 03-04/2022 & 05-06/2022 resp, ***Cape Nabil*** (gearless, DD 02/2024, SS 11/2025), ***Cape Nemo*** (CR 2X45T, DD 01/2024, SS 08/2025), Singaporean owner
Cape Nemo	2010	China	23,517	31.00		
Songa Cougar	2008	China	13,760	21.00	Undisclosed	Old sale, 1118 teu, fully cellular, CR 2X45T, DD/SS 09/2023, Norwegian owner
OTHERS						
AL Zubarah	1996	Japan	72,557	Undisclosed	Qatagas	LPG, purchase options declared, ***AL Zubarah*** (134,821 cbm), ***AL Bidda*** (135,466 cbm), ***AL Wakrah*** (134,624 cbm), ***AL Wajbah*** (134,562 cbm)
AL Bidda	1999	Japan	72,462			
AL Wakrah	1998	Japan	72,453			
AL Wajbah	1997	Japan	72,348			
AL Rayyan	1997	Japan	72,430	Undisclosed	Qatagas	LNG, 134671 cbm
Zekreet	1998	Japan	72,316			LNG, 134733 cbm
Broog	1998	Japan	72,339	Undisclosed	Qatagas	LNG, 134778 cbm
Doha	1999	Japan	72,337			LNG, 134517 cbm
Al Jasra	2000	Japan	72,218			LNG, 134482 cbm
Al Khor	1996	Japan	72,176			LNG, 134607 cbm
Venture Gas	1990	Japan	49,701	20.00	UAE	LPG, 73879 cbm, DD 06/2024, SS 06/2026
Eco Loyalty	2015	Japan	3,720	Undisclosed	Cypriot	LPG, 3458 cbm, DD 02/2023, SS 06/2025

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong **tuần 04/2022(25-31/01/2022):**

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
			BULKERS			
Baosteel Elevation	2007	Japan	206,312	19.00	Greek, Dryships	DD/SS due 04/2022
South Trader	2014	Japan	181,343	33.80	Greek, Safe Bulkers	DD/SS 01/2024
Bottiglieri Franco Vela	2010	China	93,274	17.00	Undisclosed	BWTS fitted
Bottiglieri Giulio Borriello	2011	China	93,258	18.50		BWTS fitted
Jin Hang	2012	China	93,069	17.22	Undisclosed	Auction sale
Energy Triton	2012	Japan	82,122	25.00	Chinese	BWTS fitted
Nord Fortune	2008	Japan	76,596	16.50	Greek, Newport	
Molyvos Luck	2014	Tsuneishi Zhoushan, China	57,924	21.20	Greek, Eurodry	BWTS fitted, incl TC until 04/2022 at US$ 13,250/pd
Jin Hao	2012	China	56,624	15.68	Chinese	Auction sale
West Wind	2008	Japan	56,557	17.00	Indonesian, Gurita Lines	BWTS fitted
Safesea Neha II	2008	China	53,389	13.80	Chinese	
Interlink Audacity	2016	China	39,100	280.00	Oscar Wehr	BWTS fitted, DD 04/2024, SS 06/2026
Interlink Affinity	2016	China	39,046			BWTS fitted, DD 08/2024, SS 05/2026
Interlink Capacity	2016	China	38,835			BWTS fitted, DD 06/2024, SS 06/2026
Interlink Fidelity	2015	China	38,792			BWTS fitted, DD 05/2023, SS 05/2025
Interlink Tenacity	2016	China	38,785			BWTS fitted, 05/2024, SS 01/2026
Interlink Equality	2016	China	38,781			BWTS fitted, DD 08/2024, SS 07/2026
Interlink Mobility	2015	China	38,767			BWTS fitted, DD 04/2023, SS 04/2025
Interlink Veracity	2016	China	38,763			BWTS fitted, DD 05/2024, SS 04/2026
Interlink Quality	2016	China	38,719			BWTS fitted, DD 12/2023, SS 02/2026
Interlink Utility	2016	China	38,706			BWTS fitted, DD 11/2024, SS 11/2026
Interlink Ability	2015	China	38,683			BWTS fitted, DD 04/2023, SS 05/2025
Interlink Probity	2015	China	38,638			BWTS fitted, DD 11/2023, SS 10/2025

TANKERS						
STI Precision	2016	Korea	74,997	414.00	Danish, Hafnia	
STI Prestige	2016	Korea	74,997			
STI Pride	2016	Korea	74,997			
STI Providence	2016	Korea	74,997			
STI Experience	2016	Korea	74,669			
STI Exceed	2016	Korea	74,665			
STI Excelsior	2016	Korea	74,665			
STI Express	2016	Korea	74,663			
STI Expedite	2016	Korea	74,634			
STI Excellence	2016	Korea	74,613			
STI Excel	2015	Korea	74,547			
STI Executive	2016	Korea	74,431			
Stena Perros	2007	Croatia	65,086	11.25	Nigerian, Crowley Marine	DD/SS 12/2022
STI Fontvieille	2013	Korea	49,990	23.50	Japanese	BWTS fitted, DD/SS 07/2023
Kerel	2002	Korea	37,297	9.25	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, last class recorded at DD/SS 01/2022
Baltic Soul	2001	Korea	37,244			Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, last class recorded at DD/SS 12/2021
Fure Ferder	2003	Spain	18,736	5.50	Undisclosed	DD/SS 06/2023
Fure Fladen	2003	Spain	18,736	5.50		DD/SS 01/2023
LS Anne	2008	Turkey	5,757	9.00	Undisclosed	DD/SS 08/2023
LS Jamie	2008	Turkey	5,756			DD due 05/2022, SS 03/2024
CONTAINER						
Rhodos	2013	Korea	80,228	140.00	CMA CGM	6881 teu, M/E Wartsila, DD/SS 01/2023

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 04/02	Ngày 31/12	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	60.00	60.50	-0.8	36.0	50.5	60.5
180k dwt	5 tuổi	46.00	46.50	-1.1	24.0	33.5	46.5
170k dwt	10 tuổi	32.00	33.50	-4.5	15.0	24.3	36.5
150k dwt	15 tuổi	20.00	21.50	-7.0	8.0	15.2	23.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	42.50	41.50	2.4	24.5	31.6	43.5
82k dwt	5 tuổi	34.50	33.50	3.0	15.5	24.	35.5
76k dwt	10 tuổi	25.00	24.00	4.2	8.5	15.8	26.0

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 04/02	Ngày 31/12	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	97.00	100.00	-3.0	82.0	92.1	106.0
310k dwt	5 tuổi	71.50	70.50	1.4	62.0	68.2	77.0
250k dwt	10 tuổi	49.00	46.50	5.4	38.0	45.5	53.0
250k dwt	15 tuổi	34.00	33.50	1.5	21.5	30.3	40.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	69.00	70.00	-1.4	54.0	62.9	72.0
150k dwt	5 tuổi	48.50	47.50	2.1	40.0	46.5	53.0
150k dwt	10 tuổi	32.50	31.50	3.2	25.0	31.3	38.0

74k dwt	15 tuổi	16.75	17.25	-2.9	5.3	10.6	19.0
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	38.00	38.00	0.0	22.0	29.0	39.5
58k dwt	5 tuổi	28.00	28.00	0.0	13.5	18.9	29.5
56k dwt	10 tuổi	21.50	21.50	0.0	9.0	14.0	23.5
52k dwt	15 tuổi	16.25	16.25	0.0	5.5	9.5	17.5
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	32.50	31.00	4.8	17.5	23.8	30.5
37k dwt	5 tuổi	27.50	26.00	5.8	12.0	16.9	26.5
32k dwt	10 tuổi	18.50	17.50	5.7	6.5	10.8	18.0
28k dwt	15 tuổi	10.75	11.00	-2.3	3.8	6.6	11.5

150k dwt	15 tuổi	18.00	17.00	5.9	16.0	18.7	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	58.50	57.00	2.6	43.5	49.6	58.5
110k dwt	5 tuổi	44.00	41.00	7.3	29.5	35.6	43.0
105k dwt	10 tuổi	28.00	27.00	3.7	18.0	23.6	32.5
105k dwt	15 tuổi	17.75	16.75	6.0	11.0	14.3	21.0
MR							
52k dwt	Resale	41.00	39.50	3.8	33.0	37.0	41.0
52k dwt	5 tuổi	30.00	29.00	3.4	23.0	27.4	31.0
45k dwt	10 tuổi	19.50	18.50	5.4	14.5	17.9	21.0
45k dwt	15 tuổi	12.50	11.50	8.7	9.0	10.9	13.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	218.00	2	Daewoo	Maran Gas	2025	Price per unit, the 5th and the 6th in the series (compared to the price of the last order: US$ 205.5M in 11/2021)
Container	15,000 teu	182.70	6	Daewoo	Zodiac	2025	Price per unit, LNG/dual fuel capability
Container	2,800 teu	42.50	2	Hyundai Mipo	Euroseas	Q4 2023 – Q1 2024	Price per unit, (compared to the price of the last order at the same size: US$ 38M in 06/2021)
LNG bunkering tanker	12,500 cbm	60.60	1	Daewoo	Scale Gas, Spain	03/2024	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 04/02	Ngày 31/12	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	60.8	60.8	0.0	41.8	50.1	60.8
K.sarmax (82.000 dwt)	36.0	36.0	0.0	24.3	30.6	36.0
P.max (77.000 dwt)	33.8	33.8	0.0	23.8	29.4	33.8
Ultramax (64.000 dwt)	33.0	33.0	0.0	22.3	28.5	33.0
Handysize (37.000 dwt)	29.5	29.5	0.0	19.5	24.7	29.5
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	124.5	124.5	0.0	83.0	92.7	124.5
P.max (5.200 teu)	67.5	67.5	0.0	42.5	52.4	67.5
Sub P.max (2.5000 teu)	36.5	36.5	0.0	26.0	31.7	36.5
Feeder (1.700 teu)	28.0	28.0	0.0	18.6	23.7	28.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 04/02	Ngày 31/12	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	114.0	111.0	2.7	80.0	90.6	114.0
S.max (170.000 dwt)	76.0	76.0	0.0	53.0	60.4	76.0
A.max (115.000 dwt)	60.0	60.0	0.0	43.0	49.3	60.0
LR1 (75.000 dwt)	55.0	55.0	0.0	42.0	46.8	55.0
MR (56.000 dwt)	41.5	41.5	0.0	32.5	35.8	41.5
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	199.0	199.0	0.0	180.0	186.4	199.0
LPG LGC (80k cbm)	78.0	78.0	0.0	70.0	71.7	78.0
LPG MGC (55k cbm)	70.0	70.0	0.0	62.0	63.7	70.0
LPG SGC (25k cbm)	47.5	47.5	0.0	40.0	42.9	47.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tiếp tục giảm vì kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán dài ngày ở nhiều quốc gia ở Châu Á. Cước nhìn chung chưa có dấu hiên triển vọng trở lại ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Đương, trong khi Đại Tây Dương chịu nhiều ảnh hưởng. Thị trường đóng cửa ở mức 17.531 đô la Mỹ, nhích thêm một chút so với tuần trước 17.461 đô la Mỹ. Vì kỳ lễ Nguyên Đán nói trên, nên báo cáo hoạt động là vô cùng khan hiếm tại khu vực Thái Bình Dương. Ở Đại Tây Dương, tàu *Minoas* (56.952 dwt, đóng 2011) được chốt chạy ngay, chở hàng hạt rời giao ở Đèo Tây Nam và trả tại Bờ Bắc Nam Mỹ với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ. Tàu

Queen (58.096 dwt, đóng 2010) được chốt giao ở Barcarena và trả tại Ai Cập Địa Trung Hải với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu *Andros Island* (63.008 dwt, đóng 2016) được chốt giao ở Port Elisabeth đi Trung Quốc với giá 25.250 đô la Mỹ cộng thêm 525.000 đô la Mỹ phí ballast. Tàu *Besiktas-M* (53.020 dwt, đóng 2003) được chốt giao ở Fujairah qua Vịnh Ba Tư đi Bangladesh với giá 20.750 đô la Mỹ.

Tình hình phân khúc **Handysize** cũng tương tự. Trước Thế Vận Hội Beijing, cả chủ tàu lẫn brokers đều tự hiểu rằng nhu cầu thuê tàu sẽ bị hụt do yêu cầu gắt gao của chính phủ về chất lượng không khí, dẫn đến cắt giảm nhiều hoạt động cũng như xuất nhập khẩu. Thị trường tuần qua đóng cửa ở mức 17.819 đô la Mỹ, thấp hơn tuần trước đó 379 đô la Mỹ. Thị trường tại Đại Tây Dương kém, khu vực lục địa già không có nhiều hoạt động, các chủ tàu ra giá thương lượng khoảng 10.000 đô la Mỹ cho các chuyến thuê khứ hồi. Tàu *Amelie* (35.783 dwt, đóng 013) neo tại Port Talbot được chốt chạy từ khu vực lục địa già/UK đi Bờ Đông Mỹ với giá khoảng 14.500 đô la Mỹ. Tàu *Gabriella* (36.892 dwt, đóng 2013) neo tại Holmengraa, Na Uy được chốt khoảng 12.000 đô la Mỹ qua Skaw, chở phế liệu đi Thổ Nhĩ Kỳ. Có tin một tàu khoảng 30k dwt, được Loch Shipping chốt giao tại Morocco với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ đi Bangladesh. Một tàu khác khoảng 38k dwt được chốt với giá gần 12.000 đô la Mỹ, chạy từ Đông Địa Trung Hải đi Nam Brazil. Phía bên kia đại dương, cước khá thấp. PCL chốt tàu *Ben Rinnes* (35.016 dwt, đóng 2015) được chốt chạy khu vực lục địa già, chở gỗ pallet với giá khoảng 11.000 đô la Mỹ. Một tàu 34k dwt được chốt chở hàng trong vùng Vịnh với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ. Khu vực Nam Mỹ tiếp tục là điểm nóng của Đại Tây Dương, song cước đã giảm đi nhiều, chỉ số cước xuyên Đại Tây Dương là 25.000 đô la Mỹ. Saga Welco chốt tàu *Anacapa Light* (32.145 dwt, đóng 2005) neo tại Đại Tây Dương Colombia, giao ở Nueva Palmira, trả tại khu vực lục địa già, chở bột gỗ với giá khoảng 24.000 đô la Mỹ. Thị trường tại Châu Á rất thấp và liên tục giảm, do kỳ nghỉ Tết Lễ Nguyên Đán. Một tàu cỡ Handy lớn được chốt từ CJK qua CIS, dự kiến đi từ Vostochny đi Trung Quốc với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ. Một tàu khác 33k dwt được chốt giao Bờ Đông Ấn Độ đi khu vực lục địa già với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 05/2022 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 05	TUẦN 03	Mức thấp nhất năm 2022 (cập nhật tới Tuần 05)	Mức cao nhất năm 2022 (cập nhật tới Tuần 05)
TRANSATLANTIC RV	10,675	23,195	10,675	27,225
TCT CONT/F.EAST	23,623	34,559	23,623	35,909
TCT F.EAST/CONT	12,380	16,785	12,380	17,324
TCT F.EAST RV	17,880	20,159	17,880	23,202
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	15,667	22,569	15,667	25,812
PACIFIC RV	18,171	17,171	17,171	19,750
TCT CONT/F.EAST	24,575	27,958	24,575	32,588

GIÁ THUÊ SPOT T/C TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 07/02/2022

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	18,023	▲	745
SMALL HANDY (38BC)	17,922	▲	146
SMALL HANDY (28BC)	15,956	▲	146

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước 03/02/2022)

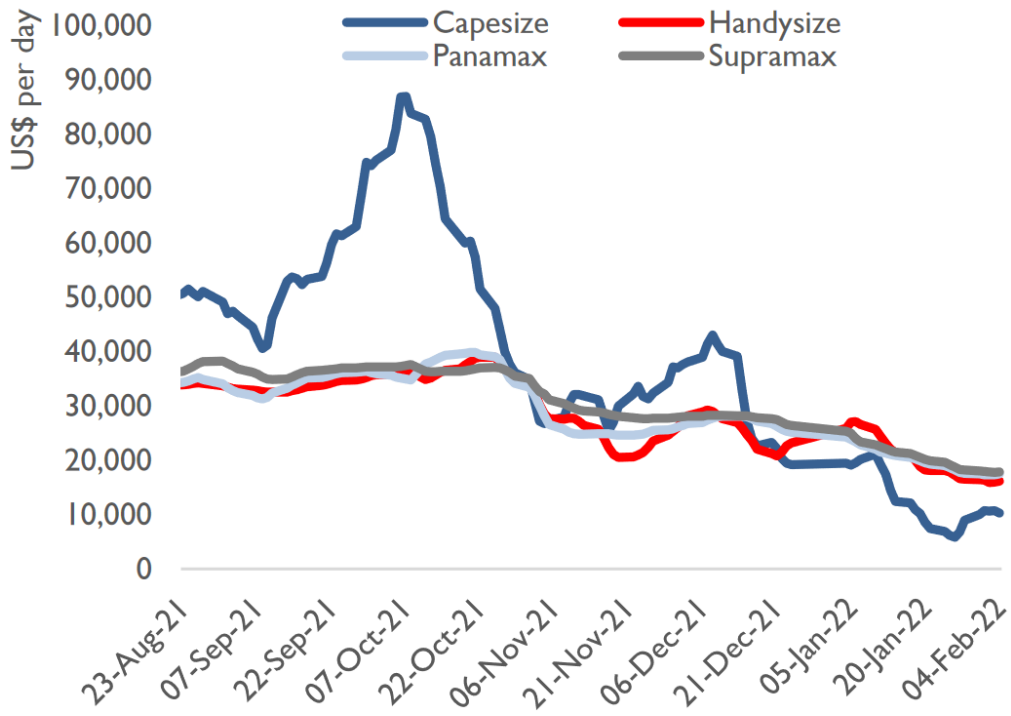

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

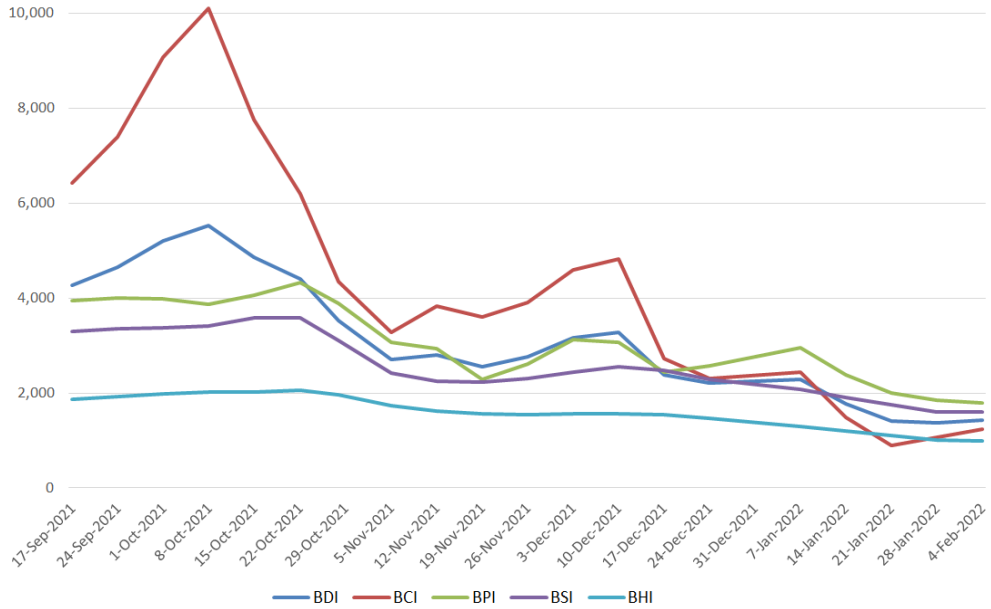

3.2. Thị trường thuê tàu dầu:

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 05			Giá thuê tàu định hạn tuần 03		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	23,000	31,000	34,500	24,000	32,000	35,000
SUEZMAX	19,000	21,000	26,500	20,000	22,000	27,000
AFRAMAX	17,500	19,500	24,500	17,500	19,500	24,000
LR-2	17,500	20,000	25,000	18,750	21,000	26,000
LR-1	14,000	16,000	17,250	14,250	16,000	17,250
MR	12,750	13,750	15,500	13,000	14,000	16,250
HANDY	11,250	12,500	14,250	11,250	12,500	14,250

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

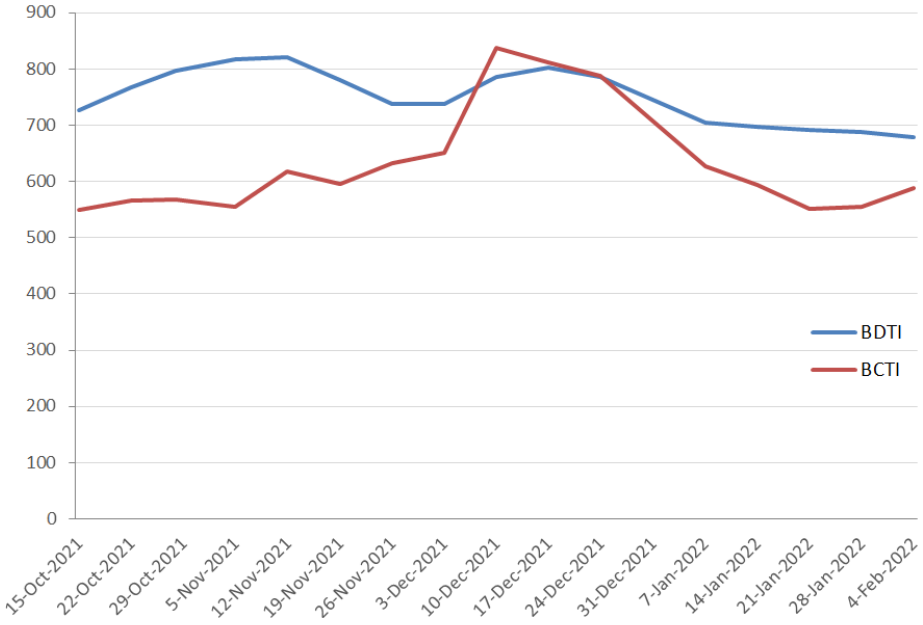

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu		
		US$	▼/▲		US$	▼/▲	
1	Bangladesh	620	▲	30	630	▲	30
2	Pakistan	580 610	▲	30	620	▲	30
3	India	590	▲	20	600	▲	20
4	Turkey	330			340		

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 05/2022

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US$/lt)	Dwt	Comments
Bull Papua	Tanker	1999	15,682	Undisclosed	650.00	106,122	Subcont options
Hippo	Tanker	1997	12,141	Bangladesh	642.00	46,092	
Chemtrans Rugen	Tanker	2001	8,725	Undisclosed	635.00	34,361	As is Singapore/Batam, bunkers payable extra
Horizon	Tanker	1999	8,116	Pakistan	-	44,730	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.